

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 9 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1991, cư trú tại: Xóm 2, thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1988, cư trú tại: Xóm 2, thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lương Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Quốc H kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Xóm 2, thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra va chạm, cãi cọ xúc phạm nhau, tình cảm rạn nứt. Mặc dù đã được gia đình hai bên giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Trần Quốc H không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc H để giải phóng hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và anh Trần Quốc H có 01 con chung là: Trần Nhật M, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị và anh H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng bị đơn là anh Trần Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc H xác định về việc kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như chị Lương Thị L trình bày là đúng. Thời gian vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp và áp lực kinh tế gia đình nên vợ chồng có sự va chạm, cãi cọ xúc phạm nhau. Chị L hiện tại đã chuyển ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân, anh cũng đã nói chuyện tìm chị L về nhưng chị L không về. Nay chị Lương Thị L xin ly hôn, do con chung còn nhỏ, cần có bố mẹ chăm sóc nên anh không đồng ý ly hôn với chị Lương Thị L và đề nghị Tòa án giúp đỡ để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Lương Thị L có 01 con chung như chị L trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc H. Giao con chung Trần Nhật M, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 cho anh H nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xử vắng mặt đương sự: Chị Lương Thị L và anh Trần Quốc H đều có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lương Thị L và anh Trần Quốc H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Lương Thị L và anh Trần Quốc H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Trong quá trình chung sống của vợ chồng do có những bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tình cảm rạn nứt, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lương Thị L và anh Trần Quốc H đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Quốc H không đồng ý ly hôn do con chung còn nhỏ và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị L để giải phóng hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị L và anh Trần Quốc H có 01 con chung là Trần Nhật M, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012. Chị L và anh H đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm của chị L và anh H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Lương Thị L và anh Trần Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Trần Quốc H.

2. Xử: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Giao con chung Trần Nhật M, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 cho anh Trần Quốc H nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Chị Lương Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm đề sung vào Ngân sách Nhà nước, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015162 ngày 04 tháng 6 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Đương sự;
- UBND xã N, H. V (nơi ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh

